

Số: /KH-UBND

Xuân Lộc, ngày tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH
Sản xuất trồng trọt vụ Đông năm 2025

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG 2024:

1 Kết quả đạt được:

1.1. Trồng trọt:

* Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm trong vụ Đông 94,8 ha. Trong đó diện tích một số cây trồng chính 79,8 ha/84 ha đạt 95%:

- Rau 52,8 ha/54 ha KH, đạt 97% ; năng suất 67 tạ/ha; sản lượng 353,7 tấn.

- Cây ngô lấy hạt 11,5 ha/15 ha KH, đạt 76%; năng suất 41,57 tạ/ha; sản lượng 47,8 tấn.

- Ngô sinh khối 2 ha/2 ha KH, đạt 100% KH; năng suất 310 tạ/ha, sản lượng 62 tấn.

- Khoai lấy củ 13,2 ha/13 ha KH, đạt 101% KH, Năng suất 62,4 tạ/ha, sản lượng 82,36 tấn.

- Các loại cây trồng khác: 15 ha

* Diện tích trồng mới cam, bưởi trong vụ đạt 2 ha/1 ha kế hoạch, đến nay tổng diện tích cam, bưởi đạt 118,52 ha (chủ yếu xã Sơn Lộc cũ), trong đó:

- Cam: Diện tích 88,23 ha, diện tích cho sản phẩm: 68,11 ha, năng suất 79.59 tạ/ha, sản lượng 542,12 tấn

- Bưởi: Diện tích 30,29 ha, diện tích cho sản phẩm: 25,61 ha, năng suất 73,79 tạ/ha, sản lượng 189,43 tấn.

(Kèm theo Phụ lục 01 chi tiết)

2. Kết quả nổi bật trong vụ sản xuất:

- Diện tích sản xuất ngô hạt, ngô sinh khối phục vụ cho nhu cầu chăn nuôi và tiêu dùng của người dân, một số thôn có truyền thống trồng ngô nếp. Các loại rau chủ yếu được trồng tại các vườn hộ.

- Diện tích cam, bưởi 118,52 ha, chủ yếu tập trung tại các thôn Khe Giao một ít diện tích tại thôn Phúc Sơn, Đập Lã....Đây là lợi thế trong sản xuất vụ Đông của xã và là nguồn thu nhập lớn cho bà con nông dân.

3. Tình hình sâu bệnh hại

Các đối tượng sâu bệnh gây hại nhẹ, ít ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng, phát triển và năng suất cây trồng. Sâu bệnh trên cây rau màu vụ đông: trên ngô: sâu xám, sâu khoang, sâu xanh, rệp cò. Trên cây rau: sâu khoang, sâu xanh, rệp xanh, bọ nhảy. Trên cây ăn quả: bệnh loét, sẹo, thán thư, ruồi đục quả, ngài đục quả, rệp muội.....

4. Tồn tại, nguyên nhân tồn tại

*** Tồn tại:**

- Diện tích sản xuất cây vụ Đông chưa đạt kế hoạch đề ra.
- Diện tích sản xuất cây vụ Đông manh mún; phân bố rải rác ở các thôn.

*** Nguyên nhân:**

- Giá đầu vào cao, sản xuất vụ Đông thường rơi vào thời điểm mưa bão nên người dân không mặn mà với việc tổ chức sản xuất.
- Diện tích đất sản xuất màu ít, chủ yếu sản xuất vườn hộ, vườn mẫu của các hộ dân.

II. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG 2025:

1. Nhận định về tình hình thời tiết:

Theo Dự báo của Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Hà Tĩnh: ENSO duy trì trạng thái trung tính từ tháng 9-11/2025 với xác suất từ 60-70%. Từ tháng 12/2025-02/2026, hiện tượng ENSO vẫn có khả năng duy trì ở trạng thái trung tính và nghiêng về pha lạnh, nhưng chưa đạt trạng thái La Nina.

Từ tháng 9-11/2025, bão/ATNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và ảnh hưởng đến nước ta có khả năng ở mức cao hơn so với TBNN, Hà Tĩnh có nguy cơ chịu ảnh hưởng của bão/ATNĐ gây mưa, lũ ảnh hưởng xấu đến sản xuất. Từ tháng 9/2025, nắng nóng diện rộng, kéo dài có khả năng chấm dứt. Không khí lạnh (KKL) năm nay khả năng hoạt động sớm và mạnh dần từ khoảng tháng 10/2025, nên dự báo rét xảy ra sớm, dự báo đợt rét đậm đầu tiên xảy ra vào khoảng cuối tháng 11 đến đầu tháng 12. Vụ Đông năm nay nhiệt độ khá thấp, xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ, nhưng khả năng thấp hơn 2 năm gần đây.

2. Thuận lợi, khó khăn trong sản xuất vụ Đông 2025

2.1. Thuận lợi

- Đã hình thành được một số vùng sản xuất (Cam, Bưởi) tạo tiền đề cho thực hiện liên kết, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.
- Các tiến bộ kỹ thuật và các tiêu chuẩn sản xuất an toàn (VietGAP, hữu cơ,...), cơ giới hóa đã và đang được áp dụng có hiệu quả sẽ thúc đẩy sản xuất và nâng cao giá trị sản phẩm.

2.2. Khó khăn

- Bão số 5, số 6 làm thiệt hại các loại cây trồng vụ Hè Thu ảnh hưởng đến thu nhập người dân làm giảm khả năng đầu tư sản xuất vụ Đông.

- Thời điểm gieo trồng đầu vụ sản xuất và thời kỳ cây sinh trưởng và phát triển thường trùng với thời điểm gặp mưa lớn nguy cơ cao gây thiệt hại và ảnh hưởng lớn đến diện tích sản xuất và sản lượng các cây trồng vụ Đông.

- Giai đoạn đầu vận hành theo chính quyền cấp xã mới đang còn gặp khá nhiều khó khăn có thể ảnh hưởng đến công tác tổ chức sản xuất.

- Công tác kết nối liên kết tiêu thụ sản phẩm cho nông dân còn gặp khó khăn. Đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp nói chung và các cây trồng vụ Đông nói riêng còn thiếu ổn định.

III. MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG 2025:

1. Mục tiêu:

Xác định vụ Đông là một trong những vụ chính trong năm, nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực phẩm cho thị trường tiêu dùng và nhu cầu thức ăn chăn nuôi trong mùa Đông – Xuân, trong bối cảnh nhiều vùng bị thiệt hại do mưa, bão, lũ lụt.

- Tiếp tục tổ chức lại các vùng sản xuất tập trung (cam, bưởi) sử dụng giống năng suất, chất lượng cao, áp dụng quy trình sản xuất thâm canh, an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, theo hướng hữu cơ,... để xây dựng thương hiệu.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế vườn hộ, theo hướng đa cây, chú trọng công tác cải tạo vườn tạp, chỉnh trang vườn hộ, phát triển mạnh kinh tế vườn nâng cao thu nhập cho bà con nông dân.

2. Định hướng các loại cây trồng chính:

* Tổng diện tích một số cây trồng chính vụ Đông 85 ha. Trong đó:

- Ngô lấy hạt: 15 ha, năng suất 42 tạ/ha, sản lượng 63 tấn;

- Khoai các loại: 13 ha, năng suất 64 tạ/ha, sản lượng 83,2 tấn;

- Rau các loại: diện tích 54 ha, năng suất 69 tạ/ha, sản lượng 372,6 tấn.

* Duy trì diện tích vườn đồi trồng cây ăn quả có giá trị kinh tế cao ở vùng Sơn Lộc. Phấn đấu diện tích trồng mới và thay thế đạt 02 ha.

((Kèm theo Phụ lục 02 chi tiết))

3. Giải pháp sản xuất:

3.1. Tổ chức sản xuất cây trồng chính

- Phát triển cây ăn quả: Cam, bưởi ở các thôn vùng Sơn Lộc cũ.

- Ngô Đông: Bố trí chủ yếu tập trung ở các thôn có diện tích màu như Trung Sơn, Tự Cường, Đập Lã, Khe Giao, Mai Sơn, Trà Dương..... Khuyến khích trồng ngô nếp bán bắp tươi, ngô sinh khối phục vụ chăn nuôi.

- Khoai lang: Bố trí ở đất vằn cao.

- Rau các loại: Bố trí trên địa bàn toàn xã, các vườn hộ, vườn mẫu.

3.2. Các giải pháp kỹ thuật:

Tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật về trồng, chăm sóc, sử dụng phân bón hữu cơ, sử dụng thuốc BVTV an toàn hiệu quả, quản lý dịch hại tổng hợp IPM, quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp - IPHM,...trên cây ăn quả, cây rau nhằm tăng năng suất, chất lượng, mẫu mã sản phẩm và đạt các tiêu chuẩn về ATTP, VietGAP, sản xuất hữu cơ.

*** Cây ăn quả:**

- Tuân thủ tốt quy trình trồng, chăm sóc, thu hoạch. Trồng thay thế đối với các vườn cây bị thoái hóa, già cỗi. Ưu tiên thời vụ trồng là đầu mùa mưa và đầu vụ xuân.

- Có kế hoạch chằng, chống bảo vệ các vườn cây trong mùa mưa lũ, phòng trừ tốt các loại sâu, bệnh để đảm bảo năng suất và chất lượng sản phẩm.

***Các loại rau màu:**

+ Đối với sản xuất rau các loại: Đối với nhóm rau truyền thống bố trí tận dụng vườn nhà hoặc ngoài đồng. Bố trí rau cải các loại, xà lách, rau gia vị, su hào, bí xanh, dưa chuột,...Bố trí linh hoạt để né tránh điều kiện thời tiết, khung thời vụ gieo trồng từ tháng 9 đến tháng 12, khuyến khích bố trí trồng xen rau với các diện tích trồng màu khác để tăng thu nhập cho bà con.

+ Đối với cây ngô: Bố trí chân đất cao, dễ thoát nước không bị ngập lụt, hướng cơ cấu như sau:

* *Ngô lấy hạt*: NK7328, CK111...và nhóm giống ngắn ngày: HN68, HN88,...

- Nhóm giống có thời gian từ gieo đến thu hoạch ngắn (65 - 70 ngày) như HN68, HN88: Bố trí thời vụ kết thúc trước 30/10. Căn cứ thời tiết có thể gieo nhiều trà trong khoảng thời gian này.

- Nhóm giống như NK7328, CK111....: Thời vụ phấn đấu kết thúc trước 05/10/2025, kết thúc thu hoạch trước 15-20/01/2026 để đảm bảo thời vụ sản xuất lạc, ngô vụ Xuân 2026;

Trong điều kiện ảnh hưởng do bão lũ đến sớm, khôi phục sản xuất định hướng sử dụng nhóm ngô nếp chất lượng để tăng giá trị thu nhập và đảm bảo thời gian sản xuất lạc và các loại cây trồng cạn trong vụ Xuân 2026. Ngoài ra bố trí trồng xen Ngô vào các vùng rau, màu để đa dạng hóa cây trồng, nâng cao giá trị trên đơn vị diện tích.

+ Khoai lang: Thời vụ kết thúc trước 30/10 đối với khoai lang lấy củ, sử dụng giống Chiêm Bông, Hoàng Long....

4. Công tác phòng chống dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi:

- Thực hiện tốt công tác điều tra phát hiện làm cơ sở dự tính dự báo chính xác về thời điểm xuất hiện, mức độ gây hại các đối tượng dịch hại cây trồng vụ Đông.

5. Giải pháp về thị trường:

- Phát triển các sản phẩm đã được chứng nhận nhãn hiệu và các sản phẩm Ocop chú trọng thực hiện trên các đối tượng là các trang trại bước đầu có sản phẩm thu hoạch tham gia các chương trình xúc tiến thương mại để nâng cao kỹ năng bán hàng và tránh bị ép giá.

- Chủ động kết nối với các siêu thị, cửa hàng kinh doanh rau, thực phẩm sạch trên địa bàn tỉnh để liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông sản. Chú trọng đến quy trình sản xuất, thời gian cách ly đảm bảo đưa ra thị trường sản phẩm an toàn, chất lượng.

6. Chính sách

- Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 về việc quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025 đảm bảo hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

7. Công tác quản lý nhà nước

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực ngành phụ trách; tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón,... kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm theo quy định hiện hành, đảm bảo hàng hoá phục vụ sản xuất, lưu thông trên thị trường đảm bảo có chất lượng phục vụ sản xuất.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Cấp xã:

Giao phòng Kinh tế chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan đơn đốc, hướng dẫn các thôn triển khai thực hiện. Chủ động ứng phó, tham mưu giải pháp khắc phục khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh.

Phòng Văn hóa – Thông tin thường xuyên đưa tin, bài tuyên truyền các nội dung sản xuất vụ Đông kịp thời tới các hộ nông dân.

Đề nghị các đồng chí trong Ban Thường vụ Đảng ủy quan tâm, tăng cường công tác chỉ đạo; Ủy ban MTTQ và các tổ chức đoàn thể vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân hăng hái thi đua sản xuất.

2. Cấp thôn:

Căn cứ Phương án sản xuất vụ Đông của UBND xã và điều kiện thực tiễn, thể mạnh trong sản xuất cây vụ Đông của thôn triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao nhất./.

Nơi nhận:

- Sở NNMT;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- UBMTTQ và các đoàn thể cấp xã;
- Phòng Kinh tế;
- Phòng Văn hóa – Xã hội;
- Các thôn trên địa bàn ;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Huy Công

Phụ lục 01: KẾT QUẢ SẢN XUẤT MỘT SỐ LOẠI CÂY TRỒNG VỤ ĐÔNG 2024

TT	Đơn vị	Tổng diện tích (ha)	Trong đó				Diện tích trồng mới cam, bưởi (ha)
			Ngô lấy hạt	Ngô sinh khối	Khoai lấy củ	Rau các loại	
	Tổng cộng	79,8	11,5	2,3	13,2	52,8	2,0
1	Thịnh Lộc	3,9	0,2		0,3	3,37	
2	Phúc Sơn	3,4	0,4		0,3	2,69	
3	Khánh Sơn	3,8	0,2		0,4	3,21	
4	Chi Lê	3,3	0,4		0,4	2,53	
5	Trung Sơn	5,2	1,6		0,5	3,12	
6	Thượng Sơn	3,9	0,2		0,3	3,43	
7	Tự Cường	4,1	1,6		0,5	2,02	
8	Đập Lã	4,4	1,4		0,6	2,38	
9	Khe Giao	5,6	2		0,7	2,91	2
10	Trà Dương	4,1	0,3	1,3	0,3	2,2	
11	Yên Bình	2,7			1,2	1,5	
12	Yên Lạc	2,6			0,8	1,8	
13	Yên Lập	4,6			2,0	2,6	
14	Tam Long	2,6			0,5	2,1	
15	Trại Lê	1,3			0,2	1,1	
16	Ban Long	0,9			0,1	0,8	
17	Hương Đình	2,2			1,4	0,8	
18	Thượng Lợi	4,9		1,0	2,7	1,22	
19	Văn Thịnh	0,4				0,43	

20	Yên Xuân	1,0	0,03			0,97	
21	Mỹ Yên	0,7				0,68	
22	Đồng Yên	0,7				0,67	
23	Bình Yên	0,8				0,77	
24	Văn Cũ	2,5	0,05			2,42	
25	Trung Xá	0,7	0,01			0,73	
26	Dư Nại	1,2	0,02			1,13	
27	Xóm Mới	0,9	0,02			0,89	
28	Mai Long	1,4	0,03			1,35	
29	Mai Sơn	6,0	3			3,02	

Phụ lục 02: ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT MỘT SỐ CÂY TRỒNG CHÍNH VỤ ĐÔNG 2025

TT	Đơn vị	Tổng diện tích rau màu (ha)	Trong đó				Diện tích cây ăn quả (ha)
			Ngô hạt (ha)	Ngô sinh khối (ha)	Khoai (ha)	Rau (ha)	
	Tổng cộng	85,0	15,0	3,0	13,0	54,0	2,0
1	Thịnh Lộc	4,0	0,2		0,3	3,5	
2	Phúc Sơn	3,7	0,4		0,3	3	
3	Khánh Sơn	4,1	0,2		0,4	3,5	
4	Chi Lệ	3,6	0,5		0,4	2,7	
5	Trung Sơn	5,1	1,6		0,5	3	
6	Thượng Sơn	5,0	0,5	0,7	0,3	3,5	
7	Tự Cường	4,1	1,6		0,5	2	
8	Đập Lã	4,5	1,4		0,6	2,5	
9	Khe Giao	6,1	2,5		0,7	2,9	2
10	Trà Dương	4,3	0,5	1,3	0,3	2,2	
11	Yên Bình	2,7			1,2	1,5	
12	Yên Lạc	2,6			0,8	1,8	
13	Yên Lập	4,6			2,0	2,6	
14	Tam Long	2,6			0,5	2,1	
15	Trại Lê	1,3			0,2	1,1	
16	Ban Long	0,9			0,1	0,8	

17	Hương Đình	2,2			1,4	0,8	
18	Thượng Lợi	5,7	1,0	1,0	2,5	1,2	
19	Văn Thịnh	0,5				0,5	
20	Yên Xuân	1,0	0,03			1	
21	Mỹ Yên	0,7				0,7	
22	Đồng Yên	0,7				0,7	
23	Bình Yên	0,8				0,8	
24	Văn Cử	2,5	0,05			2,4	
25	Trung Xá	0,7	0,01			0,7	
26	Dư Nại	1,1	0,02			1,1	
27	Xóm Mới	2,0	1			1	
28	Mai Long	1,9	0,5			1,4	
29	Mai Sơn	6,0	3			3	